

Cuộc đời và hành trạng của Trưởng giả Anāthapiṇḍika

ISSN: 2734-9195 15:10 20/11/2025

Những phẩm hạnh cao quý của Anāthapiṇḍika, từ tâm bố thí rộng lớn, sự kiên trì trong việc hộ trì Tăng đoàn, đến sự khiêm cung trong tu học và đối nhân xử thế, đều là những bài học quý báu, mang giá trị nhân văn sâu sắc đối với xã hội.

Tác giả: **Võ Kim Bảo (PD: Pháp Tâm)**

Sinh viên Khoa Phật học Từ xa, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

1. Mở đầu

Anāthapiṇḍika là một trong những vị cư sĩ đệ tử nổi tiếng nhất của đức Phật. Ngài được xem là vị đại thí chủ của Tăng đoàn Phật giáo thời bấy giờ và công trình của ngài đến nay vẫn còn lưu lại dấu ấn sau hơn 2000 năm với bao thăng trầm lịch sử – Tinh xá Jetavana. Nghiên cứu về cuộc đời và đạo hạnh của Trưởng giả Anāthapiṇḍika không chỉ là một đề tài mang tính lịch sử mà còn có giá trị ứng dụng trong đời sống hiện tại. Những phẩm chất đạo đức của ông, như lòng từ bi, tinh thần xả kỷ, sự hộ trì chính pháp, là những bài học quý giá mà chúng ta có thể học hỏi và áp dụng vào cuộc sống hàng ngày.

Trong phạm vi của một tiểu luận, chúng tôi chỉ có thể điểm qua đôi nét nổi bật về cuộc đời và hành trạng của Trưởng giả Anāthapiṇḍika từ đó nên lên những nhận định có phần còn chủ quan và khiêm tốn và rút ra cho bản thân những bài học quý báu cho hành trình học Phật của hàng cư sĩ tại gia.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vấn đề tên riêng, biệt hiệu của trưởng giả Anāthapiṇḍika

Do nhiều yếu tố khách quan về lịch sử, xã hội, người Việt Nam ta có thói quen gọi Trưởng giả Anāthapiṇḍika là “Cấp Cô Độc” theo cách phiên âm chữ Hán.

Chính vì thế nên chúng ta gặp khá nhiều khó khăn khi tiếp cận kinh điển Pāli. Để có cái nhìn tổng quan nhất về tên gọi của ngài, chúng tôi đã khảo sát qua một số từ điển Phật học. Trong đó, Từ điển Phật học tinh tuyển của Thích Nguyên Tâm có sự trình bày đầy đủ và toàn diện hơn cả về tên gọi và biệt hiệu của ngài: (bảng)

Việc sử dụng tên gọi “*Tu Đạt*” hay biệt hiệu “*Cấp Cô Độc*”, theo chúng tôi là chưa hợp lí bởi một số lí do sau:

- Thứ nhất, chúng ta có thói quen sử dụng các tên gọi đó do ảnh hưởng từ văn học Phật giáo Hán truyền. Người Trung Hoa có thói quen phiên âm tiếng nước ngoài thành tiếng Hán và sử dụng một chữ Hán có âm gần giống để ghi chú âm thanh. Sau đó, người Việt chúng ta lại phiên âm chữ Hán sang âm Hán Việt. Thế nên trải qua 2 lần phiên âm, cách gọi “*Tu Đạt Đa*” và “*Cấp Cô Độc*” có khoảng cách rất lớn với âm đọc trong tiếng Pāli hay Sanskrit.
- Thứ hai, trong một bài viết có tính học thuật, việc sử dụng phiên âm Hán Việt gây nhiều hạn chế cho tác giả nghiên cứu tài liệu cũng như khiến người đọc khó tra cứu thêm các tài liệu khác sau khi đọc công trình nghiên cứu.
- Thứ ba, sử dụng âm Hán Việt như một thói quen sẽ khiến chúng ta gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận kinh điển Pāli, văn học Nikaya.

Trong bài nghiên cứu, chúng tôi sử dụng tên gọi của đối tượng nghiên cứu theo tiếng Pāli.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2.2. Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử, xã hội đối với Trưởng giả Anāthapiṇḍika

Là một thương nhân giàu có, lại quý trọng Phật pháp, dưới sự chỉ dạy của đức Phật, trưởng giả Anāthapiṇḍika đã trở thành một trong những người hộ pháp lớn nhất thời đức Phật tại thế. Chúng ta không thể phủ nhận được sự ảnh hưởng lớn lao của hoàn cảnh lịch sử, xã hội đối với cuộc đời và hành trạng của Anāthapiṇḍika. Những yếu tố lịch sử, xã hội có tác động trực tiếp đến Ngài Anāthapiṇḍika là: sự phát triển về tư tưởng tâm linh; sự mở mang của đô thị và tầng lớp thương gia; sự tự do về tôn giáo, tín ngưỡng.

2.2.1. Sự phát triển về tư tưởng tâm linh

Tư tưởng tôn giáo ở Ấn Độ đã có xuất phát điểm rất mạnh mẽ trước thời kì đức Thế Tôn xuất thế, nhưng chủ yếu vẫn là tư tưởng của Bà La Môn giáo. Nhưng đến thời Thế Tôn xuất thế, *“tư tưởng Ấn Độ được tự do phát triển, thế lực chính thống của Bà La Môn giáo ngày một sút kém, vì thế nên đã phát sinh ra nhiều tư tưởng, tôn giáo và triết học mới như Phật giáo, Kỳ Na giáo, Lục Sư ngoại đạo phái và sáu phái triết học”* (Thích Thanh Kiểm, 2014). Tầng lớp tri thức là những người ưu tú trong xã hội. Họ có nhu cầu tìm đến những tư tưởng mới ngoài đạo Bà La Môn. Hình ảnh những vị tu sĩ sống một đời phạm hạnh, từ bỏ vật chất, tham ái của thế tục để tìm cầu sự giải thoát đã tạo được thiện cảm lớn trong những người tri thức thời bấy giờ.

Trưởng giả Anāthapiṇḍika là một trong số những người ấy. Đó là một trong những lí do vì sao khi vừa nghe danh hiệu Phật là Ngài lập tức xúc động muốn được gặp và đánh lễ Thế Tôn.

2.2.2. Sự mở mang của đô thị và tầng lớp thương gia

Trước thời đức Thế Tôn xuất thế, xã hội Ấn Độ theo thể chế Cộng hòa. Đến thời của Thế Tôn, chế độ Cộng hòa được thay bằng chế độ Quân chủ chuyên chế. Điều đó dẫn đến sự hình thành và mở mang của các đô thị (các đô thị thường gắn liền với sự phát triển của một nền văn minh).

Nhờ vậy mà các tầng lớp xã hội mới xuất hiện, thương gia phát triển, giao thương mở rộng. Sự mở rộng của việc giao thương giúp cho tư tưởng, suy nghĩ của những người ở tầng lớp này trở nên thoáng hơn trong việc tiếp nhận các nguồn tư tưởng tôn giáo ngoài tôn giáo phổ biến là Bà La Môn giáo. Quan điểm đẳng cấp của Bà La Môn hoàn toàn trái ngược với những người thương gia làm giàu bằng sự lao động chân chính.

Chính vì vậy mà có càng có thêm thiện cảm với những vị khổ tu, “*xem cúng dường người đức hạnh là hành vi đức hạnh*” (Lê Như Thích Trung Hậu, 2016). Cũng nhờ làm giàu bằng mồ hôi và công sức của bản thân, họ có được tịnh tài, tịnh sản để hộ trì và cúng dường Tam Bảo, nhiều người trong số họ đã trở thành những vị hộ pháp lớn của Phật giáo mà trưởng giả Anāthapiṇḍika là tiêu biểu trong số đó.

2.2.3. Sự tự do về tôn giáo, tín ngưỡng

Cả hai vấn đề trên (sự phát triển về tư tưởng tâm linh và sự mở mang của đô thị và tầng lớp thương gia) đã làm cho tư tưởng về tôn giáo và tín ngưỡng thời đức Phật trở nên tự do hơn rất nhiều so với thời kì trước đó. Tuy đạo Bà La Môn vẫn được xem là chính thống nhưng con người thời bấy giờ lại không khắt khe với tư tưởng tôn giáo như thời trung cổ ở Châu Âu. Nhờ đó mà những người vốn sinh ra trong một xã hội ảnh hưởng nặng nề tư tưởng của Bà La Môn giáo vẫn có được quyền tự do ý chí tìm đến đức Phật và trở thành đệ tử của Ngài.

2.3. Cuộc đời và đạo hạnh của Trưởng giả Anāthapiṇḍika, bài học cuộc sống

Như đã trình bày ở phần 1, bài nghiên cứu này không nhằm mục đích tường thuật một cách chi tiết cuộc đời và những công lao của Trưởng giả Anāthapiṇḍika. Ở phần này, chúng tôi tập trung trình bày những kiến giải, nhìn nhận của bản thân đức kết được trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu về Trưởng giả Anāthapiṇḍika qua văn học Nikaya. Từ đó rút ra những bài học quý báu cho cuộc sống và quá trình tu học của bản thân.

2.3.1. Ý nghĩa và những bài học từ việc Anāthapiṇḍika trở thành đệ tử của đức Phật

2.3.1.1. “Đức Phật” - âm thanh kì diệu

Anāthapiṇḍika có cơ hội được gặp đức Phật không bao lâu sau mùa An cư thứ ba của Ngài. Khi đến Rajagaha, Trưởng giả Anāthapiṇḍika đã được người em rể (có tài liệu cho là anh rể) cho biết họ không thể tiếp đãi ông như mọi khi vì họ đang tất bật cho việc tiếp đón đức Phật. Đoạn đối thoại dưới đây được Tỳ-khưu Indacanda dịch từ Tạng luật Pāli – Tiểu phẩm 2:

- Thừa gia chủ, không phải tôi có đám rước dâu, cũng không phải có đám đưa dâu, cũng không có mời thỉnh đức vua Seniya Bimbisara xứ Magadha cùng với đội quân binh, nhưng mà tôi sắp xếp cho buổi đại lễ cúng dường vào ngày mai. Hội chúng có đức Phật đang đứng đầu đã được thỉnh mời.

- Nay gia chủ, có phải người nói: “Đức Phật”?

- Ô thưa gia chủ, tôi nói là: “Đức Phật.”

...

- Nay gia chủ, cái âm thanh thật khó nghe được ở thế gian, đó là từ: “Đức Phật. Nay gia chủ, vào giờ này ta có thể đi đến để diện kiến đức Thế Tôn ấy là bậc A-la-hán, Chính Đẳng Giác không vậy? (Indacanda, 2010) Đoạn đối thoại tuy ngắn nhưng lại gợi ra ở chúng ta rất nhiều vấn đề có ý nghĩa sâu sắc:

- **Thứ nhất**, được sống trong thời đức Phật, được gặp đức Phật và trở thành đệ tử của Ngài là mối thiện duyên rất lớn mà Anāthapiṇḍika đã vun trồng từ vô lượng kiếp. Chính vì vậy, ở kiếp này, khi nghe đến danh từ “đức Phật”, căn lành được gieo trồng từ vô thủy kiếp đã được trổ quả. Chỉ riêng với Anāthapiṇḍika, âm thanh “đức Phật” vốn thực sự là một điều kì diệu.

- **Thứ hai**, chi tiết “cái âm thanh thật khó nghe được ở thế gian, đó là từ: “đức Phật” đã nhấn mạnh một điều: gặp được Phật pháp là việc hi hữu vì “*nhân sinh nan đắc, Phật pháp nan văn*”. Trong Kinh Tạp A Hàm, đức Phật đã nói về sự hi hữu của kiếp người chỉ như đất trong móng tay của Như Lai so với đất trên đại địa. Và những kẻ có được thân người lại có cơ duyên gặp được Phật pháp lại là việc càng hi hữu, khó khăn gấp vạn lần.

- Thứ ba, việc Anāthapiṇḍika muốn được ngay lập tức diện kiến Thế Tôn càng cho thấy thiện căn sâu dày đã nảy nở trong ông. Thái độ, hành động đó không chỉ cho thấy ông rất kính trọng Đấng Giác Ngộ mà ông còn vô cùng trân trọng cơ hội hi hữu được gặp đức Như Lai.

2.3.1.2. Bước qua màn đêm, đi tìm Chính pháp

Sau khi được nghe âm thanh kì diệu “đức Phật”, Anāthapiṇḍika đã không thể chờ đến sáng hôm sau để được gặp Thế Tôn. Căn lành đã gieo trồng từ vô lượng kiếp với Như Lai đã khiến ông thao thức không ngủ, nó thôi thúc ông bước qua màn đêm, đi tìm Chính pháp. Trong sự việc này, từng chi tiết đều có ý nghĩa biểu tượng sâu sắc.

- Đầu tiên là biểu tượng màn đêm. Màn đêm ở đây là biểu tượng cho sự vô minh, u tối trong mỗi chúng ta. Thức dậy trong đêm là cái nhân đầu tiên cho quả giác ngộ về sau. Lòng quyết tâm vượt qua màn đêm của Anāthapiṇḍika chính là sự quyết tâm và tinh tấn trong tu tập. Bản thân màn đêm cũng còn ẩn chứa nhiều hiểm nguy. Những hiểm nguy đó đại diện cho những chướng ngại mà hành giả có thể đối diện trong quá trình tu học.

Khi bước qua màn đêm vô minh, chúng ta sẽ gặp được ánh sáng giác ngộ, giải thoát. Sau khi Anāthapiṇḍika bước qua nỗi sợ hãi của mình trong đêm, ông đã được đón nhận ánh sáng Chính pháp của đức Như Lai.

- Kế đến là ý nghĩa biểu tượng của vị Dạ-xoa Sivaka. Nhờ có Sivaka thôi thúc mà Anāthapiṇḍika có đủ dũng khí để tiếp tục bước đi, vượt qua nỗi sợ hãi của mình. Bản thân Sivaka đại diện cho sự hộ trì chính pháp của chư Thiên. Bất kì ai khi bước đi trên con đường chính pháp đều được chư thiên hộ trì. Bản thân chúng ta chắc chắn cũng như vậy, việc tu học Phật pháp của chúng ta cũng chắc chắn có được sự hộ trì của chư Thiên, chư Phật và chư Bồ tát.

- Thêm vào đó, lời khuyên của Sivaka cũng vô cùng ý nghĩa:

- Trăm voi (và) trăm ngựa, trăm xe kéo bởi lừa, trăm ngàn cô thiếu nữ điểm trang ngọc, hoa tai, mười sáu lần như thế cũng không bằng một bước đi.

Này gia chủ hãy bước tới, này gia chủ hãy bước tới. Việc bước tới thì tốt đẹp cho người, không có việc quay lui. (Indacanda, 2010)

Bằng cách lặp lại từ chỉ số lượng “trăm” đi kèm với những điều vốn làm con người chìm trong mê đắm những nhục dục của thế gian (ngựa, xe, thiếu nữ,...) trong thế so sánh với một bước đi đến Như Lai, vị Dạ-xoa này đã khẳng định giá trị to lớn vô hạn của Phật pháp so với những thứ thật sự tầm thường, nhỏ bé và hữu hạn của các pháp thế gian.

Cuối cùng, một kết quả đầy viên mãn cho người đã mạnh mẽ bước qua màn đêm vô minh của chính mình để diện kiến đức Phật: Anāthapiṇḍika sau khi được nghe Phật thuyết pháp đã chứng được quả Thánh Sotapatti (Nhập lưu).

2.3.2. Ý nghĩa và những bài học từ việc Anāthapiṇḍika cúng dường Tinh xá Jetavana

2.3.2.1. Của cải không phải là điều đáng quý nhất

Sau khi trở thành đệ tử Phật và chứng được thánh quả Sotapatti (quả Nhập lưu), ngài Anāthapiṇḍika bày tỏ với Phật mong muốn được cúng dường Phật và Tăng đoàn một tu viện để an cư mùa mưa và được Phật đồng ý. Sự việc Anāthapiṇḍika mua khu vườn của vương tử Jeta bằng cách phủ kín cả khu vườn, sau đó xây Tinh xá Jetavana và làm lễ tổng cộng hết năm mươi bốn triệu đồng tiền vàng đã khiến tất cả chúng ta đều rất kinh ngạc và ngưỡng mộ trước tấm lòng của ông dành cho đức Phật và Tăng đoàn.

Đó là một việc làm có rất nhiều ý nghĩa:

- Đầu tiên, chúng ta thấy được trưởng giả Anāthapiṇḍika không hề tiếc tiền khi phải chi một lượng tài sản khổng lồ để có thể mua được khu vườn của vương tử Jeta bằng mọi giá. Điều này khiến nhiều người rất hoài nghi vì với nhiều người *“đồng tiền đi liền khúc ruột”*. Nhưng trong thực tế, chúng ta cũng thấy ở Việt Nam có rất nhiều vị đại thí chủ, họ cúng dường Tam Bảo hàng tỉ đồng để xây dựng chùa, học viện Phật giáo,... Đến những người phật tử còn làm được điều đó thì chúng ta cũng không còn gì để thắc mắc khi một người đã chứng thánh quả Sotapatti.

Trong mắt của một vị thánh Sotapatti, chắc chắn trên thế gian này không có bất kì thứ tài sản nào quan trọng hơn Chính pháp của Như Lai. Tiền mất đi thì còn có thể kiếm lại được, nhưng gặp được phật pháp là cơ hội hi hữu trong đời.

- Thêm vào đó, việc lót vàng để mua đất không chỉ đơn thuần là để tính toán số lượng vàng cần trả mà nó còn có một hàm ý lớn lao: Vàng bạc, của cải không thể cao hơn trí tuệ giác ngộ, giải thoát. Vàng được trải ra để đón bước chân của đức Phật và chư tăng. Nó thể hiện một thái độ trân trọng tuyệt đối dành cho đức Phật. Đặc biệt, không phải loại tài sản nào cũng có thể cúng dường Tam Bảo. Đức Phật chấp nhận cho ông Anāthapiṇḍika cúng dường vì biết tài sản của ông là tịnh vật, tịnh tài – những thứ tài sản trong sạch do chính sức lao động chân chính làm ra.



Hình ảnh minh họa (sưu tầm).

2.3.2.2. Sự lan tỏa diệu kì của một tấm lòng chân thành với đức Phật và Chính pháp

Tấm lòng mà trưởng giả Anāthapiṇḍika đã dành cho Phật giáo chính là tấm gương sáng ngời cho biết bao người. Bên cạnh giáo lý đầy tính nhân văn, Tăng đoàn là những vị tu hành mẫu mực thì nhờ có những vị cư sĩ hộ pháp như Anāthapiṇḍika mà Phật giáo đã trở thành một trong những tôn giáo lớn nhất trên thế giới.

Suốt 45 năm thuyết pháp, đức Phật đã 19 lần nhập hạ tại Tinh xá Jetavana của ông Anāthapiṇḍika. Ông cung cấp đầy đủ những thứ cần thiết cho chư tăng, đồng thời thường xuyên xây dựng và sửa sang Tinh xá. Dù rất giàu có, Anāthapiṇḍika cũng từng nếm trải một lần trong đời sự nghèo khó với gia tài của ông đã bị lũ quét và những người mắc nợ ông lại không muốn trả.

Tuy rơi vào cảnh khó nhưng ông vẫn không ngừng phụng sự tăng đoàn với trái tim thuần khiết như ngày đầu. Dù vật cúng dường có đơn sơ nhưng chư tăng rất hoan hỉ thọ nhận. Nó hoàn toàn đối lập với những vật cúng dường trong tâm thế ban phát, bố thí, xem thường của những vị quan lại dưới trướng vua Pasenadi. Qua đó ta mới thấy, *“của cho không bằng cách cho”*. Ngoài ra, ông còn bày tỏ với Thế Tôn việc ông mong muốn được xây đền thờ và được Ngài chấp thuận. Điều đó cho thấy, đối với Anāthapiṇḍika, phật pháp chính là điểm tựa tinh thần mà ông tin tưởng nhất khi còn phải sống ở cõi Ta Bà.

Chính trái tim thuần thành với chính pháp của Anāthapiṇḍika mới là thứ được đức Phật và Tăng đoàn trân quý.

Người đầu tiên xúc động trước tấm lòng mộ đạo của Anāthapiṇḍika không ai khác chính là vương tử Jeta. Trước thái độ nghiêm túc và chân thành của Anāthapiṇḍika khi đề nghị được dùng vàng phủ kín khu vườn để mua đất mà vương tử Jeta phát tâm cúng dường đức Phật và Tăng đoàn cây trong vườn. Về sau, khi thấy Anāthapiṇḍika cúng dường Phật và chư Tăng, vua Pasenadi cũng muốn được học theo hạnh của ông để cúng dường Phật và Tăng đoàn. Đúng như những gì mà người ta thường nói: *“Những gì bắt đầu từ trái tim sẽ đến được với trái tim”*.

Từ đó, về sau có rất nhiều bài kinh mở đầu bằng: *“Tôi nghe như vầy, một thuở nọ đức Thế Tôn trú tại rừng Jetavana vườn ông Anāthapiṇḍika. Ông chính là tấm gương sáng về hạnh bố thí. Chính hạnh bố thí lại là sự bắt đầu cho một tâm hồn rộng mở với chính pháp. Giáo sư Cao Huy Thuần trong lời giới thiệu cuốn sách Trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) của Thích Trung Hậu nhận định: “Bố thí không nằm trong những chân lý đầu tiên mà đức Phật khám phá, nhưng bố thí mở tâm ra để đón nhận triết lý giác ngộ. Bởi vậy bố thí vô cùng quan trọng, quan trọng hàng đầu trong kinh”* (Lê Như Thích Trung Hậu, 2016).

2.3.3. Ý nghĩa và những bài học từ việc đối nhân xử thế của Anāthapiṇḍika

2.3.3.1. Chư Thiên và vị Thánh đệ tử của đức Phật

Tích truyện pháp cú có kể lại câu chuyện giữa ngài Anāthapiṇḍika và một vị thiên nữ ngụ trong nhà của ông: Vì không muốn Anāthapiṇḍika tiếp tục phụng sự Phật nên vị Thiên nữ đã nói những lời không nên nói, đó là khuyên Anāthapiṇḍika không nên tiếp tục cúng dường sa-môn Gotama nữa. Vì điều đó mà vị Thiên nữ bị ông đuổi đi và rơi vào hoàn cảnh khó khăn. Sau khi được vua trời Sakka chỉ dạy, vị Thiên nữ đã lấy công chuộc tội bằng cách tìm lại tài sản cho Anāthapiṇḍika.

Câu chuyện này đã để lại cho chúng ta nhiều bài học đáng suy ngẫm:

- Bản thân ông Anāthapiṇḍika là đệ tử của đức Phật nên ông đủ bản lĩnh để đối diện với vị Thiên nữ ấy, ông không bị thần quyền khuất phục. Vị Thiên nữ ấy đại diện cho những chướng nạn của chúng ta trong quá trình tu tập. Chúng ta cần mạnh mẽ đối diện với nó để tiến bộ trên đường tu.
- Qua tấm gương của vị Thiên nữ, chúng ta có thể thấy cõi trời không phải là cõi sung sướng nhất. Vị Thiên đó vì quy luật cảnh giới của mình mà phải nghe theo yêu cầu rời khỏi nhà của Anāthapiṇḍika - một vị thánh đã đắc quả Sotapatti. Chỉ cần trong lòng ta còn ác tâm thì dù ở cõi trời chúng ta vẫn phải thọ nhận khổ đau như chính vị Thiên nữ kia. Cuối cùng, cái ác phải quy hàng cái thiện. Vị Thiên nữ phải tạ lỗi với Anāthapiṇḍika và được ông dẫn đến quy y đức Phật.

2.3.3.2. Thần may mắn Siri và Bà-la-môn tham lam

Có một người Bà-la-môn có khả năng tiên tri và biết được thần may mắn ngụ ở đâu trong nhà Anāthapiṇḍika. Tuy nhiên, dù người đó đã dùng rất nhiều thủ đoạn cũng không thể lấy đi may mắn của gia đình ông Anāthapiṇḍika. Câu chuyện nhỏ này phê phán thói mê tín dị đoan của Ấn Độ thời đó. Phước báu của ai thì người nấy được hưởng. Có gieo nhân ắt có gặp quả. Phật không thể ban phước hay giáng họa cho ai cũng không thể lấy đi phước đức hay hóa giải tai họa cho người nào. Tất cả mọi thứ chúng ta đều phải nương tựa chính mình. Giá trị của câu chuyện này đến nay, trong xã hội văn minh ở thế kỷ XXI vẫn còn vẹn nguyên giá trị.

2.3.3.3. Gia đình Phật tử - Gia đình của những vị Thánh đệ tử

Là một người có nhiều phước báu, Anāthapiṇḍika có một gia đình hạnh phúc với người vợ hiền đức là Punnalakkana. Hai con gái lớn của ông là Culla Subhadda

và Maha Subhadda đều chứng được quả Sotapatti. Con gái út là Sumana chứng được tới quả Sakadagami (quả Tư Đà Hàm, hay Nhất Lai), sau khi qua đời được tái sinh lên cung trời Tusita. Chỉ riêng con trai Kala của ông là khiến ông phiền muộn. Người này không muốn biết gì đến chính pháp, chỉ thích lo các việc doanh vụ. Sự việc Anāthapiṇḍika dùng vàng để “dẫn dụ” con đi nghe Pháp do Phật thuyết là một việc rất hay, có nhiều ý nghĩa.

Chúng ta đều biết, tiền bạc không thể mua được trí tuệ giải thoát. Nhưng vì là một người cha, ông hiểu tính con trai của mình. Đối với ông, tiền chỉ là một phương tiện thiện xảo để ông dẫn dắt con mình đến với chính pháp. Điều đó có thể xem là một cách giáo dục rất thông minh, tiến bộ và hiện đại. Động cơ ban đầu là vì tiền, nhưng sau khi đã giác ngộ và chứng Thánh quả Sotapatti, Kala đã trả lại tiền cho cha, một đời sống theo gương của cha và được người đời mệnh danh là “*Tiểu Cấp Cô Độc*”.

2.3.3.4. Người bằng hữu chân thành

Anāthapiṇḍika được mọi người yêu mến vì sự tốt bụng và lòng nhân hậu. Bất kì ai khi tìm hiểu về ông cũng đều kính trọng cách ông cư xử với bạn bè. Ông có những người bạn tin theo ngoại đạo, ham mê quỷ thần. Nhiều người là đệ tử đức Phật sẽ lên án rất gay gắt vấn đề ngoại đạo và mê tín dị đoan. Nhưng Anāthapiṇḍika thì khác. Ông vẫn yêu mến và tôn trọng họ. Ông hiểu, mỗi người có biệt nghiệp của riêng mình, nên ông không áp đặt ý chí của mình lên họ.

Tấm lòng của ông dành cho bạn bè đặc biệt phải kể đến trường hợp của một người có cái tên xấu là “*Kalakanni*” (Con chim xui xẻo). Vì cái tên đó mà ông bị mọi người xa lánh, chỉ riêng Anāthapiṇḍika thì không. Ông bỏ ngoài tai những lời nghi kị, mời bạn về giúp mình trông nhà. Ông còn ra sức hóa giải hồ nghi và cho những ai chê trách Kalakanni biết họ là những người tà kiến, mê tín dị đoan.

Thêm vào đó, Anāthapiṇḍika còn dẫn nhiều người bạn của mình đến để gặp và có cơ hội được quy y Tam Bảo. “*Do đó, chúng ta có thể nói chính Sudatta Anāthapiṇḍika đã sáng suốt, gián tiếp hướng dẫn, và tiếp độ bạn bè của mình vậy*” (Hellmuth Hecker, 2013).

2.3.3.5. Sự khiêm cung của một vị đại thí chủ

Nhiều phật tử, sau khi cúng dường Tam Bảo và cho là mình đóng góp rất nhiều nên có thái độ thiếu tôn trọng và đòi hỏi người tu hành phải đáp ứng nguyện vọng của mình như một cách bù đắp. Những người đó chắc chắn chưa học được hạnh khiêm tốn và cung kính của Anāthapiṇḍika với Tăng đoàn đức Phật. Khi Phật an cư ở Tinh xá Jetavana, ông thường đến thăm hỏi Ngài và chỉ yên lặng

ngồi qua một bên. Ông khá dặt dè trong việc đặt câu hỏi vì không muốn bị hiểu lầm là bản thân ỷ lại vào công đức lớn lao của mình. Ông đã thực hành hạnh bố thí Ba-la-mật, cúng dường bởi lòng cung kính mà không cần bất cứ sự hồi đáp nào. Việc đức Phật hay chư Tăng thuyết pháp cho ông nghe không không phải là việc làm với tâm cả nể hay bù đắp, họ làm việc ấy vì lòng từ bi của người đã giác ngộ.

Nhờ có ông mà nhiều người có cơ hội được nghe pháp của Phật và đến ngày nay, chúng ta còn có thể được học lời vàng của Phật qua kinh điển. Bản thân ông là tấm gương sáng cho các cư sĩ tại gia, đặc biệt là các Phật tử doanh nhân để biết sống với chính mạng và chính nghiệp.

2.3.3.6. Vững vàng trước những người ngoại đạo

Ngày nay, nhiều người học Phật chưa tinh nhưng có nhu cầu giảng đạo lí cho người khác rất cao. Nhiều người trong số đó mang tà kiến và có thể nói sai Chính pháp. Đây là một điều rất đáng tiếc. Chúng ta có thể lấy Anāthapiṇḍika làm gương. Ông vốn là một người khiêm tốn, ít nói đạo lí. Nhưng ông tu học rất tinh tấn, chú trọng học giáo pháp và thực hành giáo pháp. Thế nên khi nói chuyện với những tu sĩ ngoại đạo, ông trình bày rất rành mạch những điều mình hiểu, mình chứng. Thấu hiểu điều mình nói, nói điều mình đạt được giúp ông có tâm thế tự tin và vững vàng trước những lí luận rất sắc bén của ngoại đạo.

2.3.4. Ngày cuối đời của vị đại hộ pháp Anāthapiṇḍika

Ngày cuối đời của Anāthapiṇḍika được nói đến trong Kinh Trung Bộ, cụ thể là Kinh giáo giới Cấp Cô Độc (143). Ở hai lần bạo bệnh đầu tiên, ông được tôn giả Ananda và tôn giả Sariputta đến khai thị. Đến lần thứ ba, đây là lần phát bệnh nặng nhất, tôn giả Sariputta biết ông sắp lâm chung nên đã thuyết pháp giáo giới cho ông. Nội dung giáo giới rất thâm sâu so với những gì mà Anāthapiṇḍika được học trước đây, nó giúp ông nhận được sự an lạc trong tâm vào giây phút cuối đời.

Tôn giả Sariputta giải thích rằng: những điều ấy rõ với giới xuất gia nhưng không rõ với giới tại gia. Điều này là do đức Phật chủ trương việc truyền dạy giáo lí phải dựa trên căn cơ của chúng sinh. Việc giáo pháp đặc biệt như thế được giảng cho Anāthapiṇḍika vì ông là người đã học và thực hành một cách nghiêm túc trong suốt cuộc đời làm đệ tử của Như Lai. Trên cơ bản thực hành ấy, ông có thể tiếp nhận được những giáo pháp chỉ dành riêng cho giới xuất gia. Quan điểm giáo dục của Phật thật sự là một quan điểm tiến bộ, vượt thời đại và rất khoa học. Bởi lẽ đức Thế Tôn hơn ai hết là người hiểu rõ sự khác biệt của từng cá thể. Đây là điều mà các nhà giáo dục học hiện đại cần học hỏi ở Ngài.

Lại nói về Anāthapiṇḍika, ông nhờ tôn giả Sariputta xin Phật cho phép giới tại gia cũng được nghe những lời pháp vi diệu ấy để không ai bị thiệt thòi. Ở giây phút cuối đời, trong cơn đau đớn khốc liệt về thể xác, tấm lòng quảng đại của Anāthapiṇḍika vẫn dành cho tha nhân. Ông thật sự là một người có tấm lòng từ bi cao cả.

3. Kết luận

Qua quá trình tìm hiểu về cuộc đời và đạo hạnh của trưởng giả Anāthapiṇḍika, chúng ta có thể thấy rằng: Ông không chỉ là một vị đại thí chủ mà còn là một hình mẫu tiêu biểu của một cư sĩ tại gia với niềm tin vững chắc vào Tam Bảo, tinh thần hộ trì Chính pháp và thực hành giáo pháp một cách nghiêm túc.

Những phẩm hạnh cao quý của Anāthapiṇḍika, từ tâm bố thí rộng lớn, sự kiên trì trong việc hộ trì Tăng đoàn, đến sự khiêm cung trong tu học và đối nhân xử thế, đều là những bài học quý báu không chỉ dành cho những người con Phật mà còn mang giá trị nhân văn sâu sắc đối với xã hội. Ông đã cho thấy rằng tài sản và địa vị không phải là thước đo giá trị của con người, mà chính cách sống và sự tận tâm với đạo pháp mới là điều đáng trân quý.

Đặc biệt, thông qua cuộc đời của Anāthapiṇḍika, chúng ta có thể rút ra bài học về ý nghĩa của sự cúng dường, về tinh thần hộ trì Chính pháp và cả sự quan trọng của việc tu tập, thực hành giáo pháp ngay trong đời sống thế tục. Tấm lòng của ông đã lan tỏa, ảnh hưởng đến nhiều người, từ vương tử Jeta, vua Pasenadi cho đến gia đình và bạn bè, thể hiện sức mạnh của đức tin và thiện hạnh.

Tóm lại, Anāthapiṇḍika không chỉ là một nhân vật lịch sử trong Phật giáo mà còn là một tấm gương sáng cho các cư sĩ tại gia, đặc biệt là những phật tử làm kinh doanh. Học theo hạnh nguyện của ông không chỉ giúp mỗi người xây dựng đời sống đạo đức cá nhân mà còn góp phần lưu truyền giáo lý Phật pháp trong xã hội.

Tác giả: **Võ Kim Bảo (PD: Pháp Tâm)**

Sinh viên Khoa Phật học Từ xa, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM

Tài liệu tham khảo:

1. Indacanda. (2010). Tam Tạng song ngữ Pāli - Việt, Cullavaggapāḷi II & Tiểu Phẩm II. Boralessgamuwa: Ajith Printers.

2. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam. (2022). Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikaya). (Thích Minh Châu, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.
3. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam. (2022). Kinh Tiểu Bộ. (T.-k. Indacanda, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.
4. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam. (2022). Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikaya). (Thích Minh Châu, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.
5. Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam. (2023). Kinh Trung bộ (Majjhima Nikāya). (Thích Minh Châu, Dịch giả) TP. Hồ Chí Minh: Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hellmuth Hecker. (2011). Sự tích Tu Đà Cấp Cô Độc (Sudatta Anāthapiṇḍika) và nữ đại hộ pháp Visàkhā. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Phương Đông.
7. Lệ Như Thích Trung Hậu. (2016). Trưởng giả Cấp Cô Độc. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.
8. Thích Chơn Thiện. (2009). Phật học khái luận. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Phương Đông.
9. Thích Hạnh Bình. (2021). Phương pháp nghiên cứu Phật học. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.
10. Thích Minh Châu. (2010). Tóm tắt Kinh Trung bộ (Majjhima Nikāya). TP. Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa Sài Gòn.
11. Thích Nguyên Tâm. (2023). Từ điển Phật học tinh tuyển (Tập 1). TP. Hồ Chí Minh: Nxb Hồng Đức.
12. Thích Thanh Kiểm. (2014). Lược sử Phật giáo Ấn Độ. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Tôn giáo.
13. Viên Trí. (2009). Ấn Độ Phật giáo sử luận. TP. Hồ Chí Minh: Nxb Phương Đông.
14. Vũ Cao Đàm. (2011). Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học. Hà Nội: Nxb Giáo dục Việt Nam.